

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Phạm Thanh	Phụng	3475010194	12/10/1991	,00			Nợ HP
2	Hoàng Thiên	Quốc	3671040195	12/10/1994	,00			
3	Hồ Công	Tuấn	3671040457	13/10/1994	,00			Nợ HP
4	Lê Vũ Khôi	Dương	3671051832	20/10/1994	4,80	3,20	3,70	
5	Phan Minh	Ánh	3671052046	09/09/1993	,00			Nợ HP
6	Trần Đăng	Phong	3672050168	28/02/1994	,00			
7	Nguyễn Văn	Sáu	3672051503	20/08/1994	,00			Nợ HP
8	Lê Gia	Huy	3771040003	06/01/1995	6,60	,30	2,20	
9	Lê Tấn	Lợi	3771040007	07/05/1995	6,20	1,00	2,60	
10	Huỳnh Quốc	Quân	3771040008	12/03/1995	6,10	,70	2,30	
11	Bùi Như	Ý	3771040011	04/11/1993	,00	,00	,00	CT
12	Nguyễn Hoàng	Ân	3771040023	02/03/1995	4,20	2,20	2,80	
13	Nguyễn	Tâm	3771040027	26/07/1995	2,80	,00	,80	CT
14	Nguyễn Khánh	Linh	3771040044	14/01/1995	8,40	4,00	5,30	
15	Nguyễn Đình	Thảo	3771040046	18/02/1994	7,50			
16	Đoàn Minh	Quân	3771040049	04/02/1994	3,00	1,80	2,20	
17	Lê Xuân	Ngọc	3771040051	02/02/1995	8,30	5,20	6,10	
18	Ngô Hữu	Nghĩa	3771040055	19/12/1995	5,50	1,30	2,60	
19	Phạm Minh	Trực	3771040056	08/03/1995	6,60	1,80	3,20	
20	Nguyễn Văn	Minh	3771040058	19/12/1994	8,50	3,00	4,70	
21	Trần Anh	Kiệt	3771040064	23/08/1995	4,20	,90	1,90	
22	Nguyễn Thanh	Chương	3771040076	21/08/1995	1,00	,00	,30	
23	Nguyễn Quốc	Trường	3771040079	26/06/1993	4,30	,20	1,40	
24	Phan Ngọc	Cường	3771040080	01/12/1995	1,40	3,40	2,80	
25	Huỳnh Ngọc	Thanh	3771040085	30/03/1995	1,00	,00	,30	CT
26	Nguyễn Thanh	Tuấn	3771040097	29/03/1995	6,10	3,20	4,10	
27	Vô Thái	Hiệp	3771040119	10/07/1995	4,60	,80	1,90	
28	Nguyễn Trần Hữu	Tài	3771040143	26/10/1995	1,70	3,90	3,20	
29	Trần Thành	Nhiên	3771040144	05/07/1994	2,80	,40	1,10	
30	Dương Trần Quốc	Tiến	3771040145	10/08/1995	5,20	,00	1,60	
31	Phạm Tuấn	Anh	3771040159	09/01/1995	3,70	,90	1,70	
32	Đặng An	Khương	3771040160	22/01/1994	5,70			
33	Huỳnh Ngọc	Long	3771040181	10/04/1994	5,80	2,00	3,10	
34	Lê Minh	Thiên	3771040185	07/06/1995	5,50	1,90	3,00	
35	Vô Thanh	Toàn	3771040186	20/05/1995	2,50	1,80	2,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Mai Trọng	Chính	3771040194	11/11/1995	3,60	2,80	3,00	
37	Nguyễn Văn	Hồng	3771040200	06/02/1993	9,40	5,80	6,90	
38	Trần Công	Đức	3771040202	04/04/1994	6,90	1,80	3,30	
39	Đoàn Ngọc	Đông	3771040204	31/08/1995	3,90	1,10	1,90	
40	Đình Tuấn	Trình	3771040217	10/11/1995	1,00			
41	Nguyễn Văn	Quý	3771040221	13/01/1995	4,80	4,00	4,20	
42	Nguyễn Trọng	Nghĩa	3771040229	04/09/1994	3,40	4,00	3,80	
43	Lê Văn	Tài	3771040253	07/05/1995	3,90	3,00	3,30	
44	Phùng Văn	Trọng	3771040258	05/09/1995	6,80	1,70	3,20	
45	Nguyễn Thành	Thoại	3771040278	20/04/1995	3,90	3,20	3,40	
46	Trần Văn	Hải	3771040281	22/09/1995	4,00	1,40	2,20	
47	Nguyễn Đình	Kỳ	3771040285	25/01/1995	5,00	2,00	2,90	
48	Trần Văn	Luận	3771040287	15/07/1993	2,90	,80	1,40	
49	Nguyễn Tuấn	Anh	3771040304	13/09/1994	3,00	2,70	2,80	
50	Nguyễn Duy	Anh	3771040310	10/04/1995	3,00	2,30	2,50	
51	Phạm Việt	Anh	3771040317	05/06/1995	2,90			
52	Phạm Ngọc	Tuấn	3771040321	28/07/1987	5,50	1,20	2,50	
53	Nguyễn Văn	Hải	3771040355	25/02/1995	6,90	3,50	4,50	
54	Lê Tuấn	Đời	3771040358	15/05/1995	5,80	2,10	3,20	
55	Trịnh Văn	Hiền	3771040362	10/12/1995	2,30	3,50	3,10	
56	Lê Tấn	Hiệp	3771040375	21/09/1995	8,40	5,70	6,50	
57	Trần Đình	Khiếu	3771040388	18/12/1995	6,30	3,60	4,40	
58	Lại Đình	Khôi	3771040393	25/01/1995	5,00	2,80	3,50	
59	Phó Quý	Lân	3771040395	13/08/1994	7,70	4,50	5,50	
60	Ngô Hoài	Nhân	3771040402	25/10/1995	5,00	2,50	3,30	
61	Lê Huỳnh	Đức	3771040403	13/02/1995	5,10	7,10	6,50	
62	Nguyễn Đức	Anh	3771040406	04/12/1993	2,90	2,80	2,80	
63	Nguyễn Văn	Thương	3771040408	02/03/1995	2,30			
64	Võ Minh	Chánh	3771040412	13/04/1994	6,90	3,90	4,80	
65	Nguyễn Minh	Tuấn	3771040418	07/09/1995	1,90	5,90	4,70	
66	Trần Văn	Khắc	3771040420	20/05/1995	7,30	6,90	7,00	
67	Thân Hoàng	Minh	3771040445	28/09/1995	7,10	5,10	5,70	
68	Hồ Văn	Hải	3771040467	29/12/1995	6,50	1,30	2,90	
69	Nguyễn Minh	Hiếu	3771040488	26/01/1995	,00	,00	,00	CT
70	Trịnh Đình	Đạt	3771040492	01/11/1995	5,40	2,30	3,20	
71	Lê Đức	Hải	3771040765	28/09/1994	4,50	3,80	4,00	
72	Nguyễn Hồng	Khanh	3771040948	24/05/1995	2,90	2,00	2,30	
73	Nguyễn Kim	Sen	3771040967	19/08/1994	4,40	6,30	5,70	
74	Võ Thanh	Huy	3771041063	13/10/1993	4,00	1,00	1,90	
75	Trương Quốc	Hải	3771041065	16/09/1995	3,80	3,70	3,70	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Đỗ Đình	Đức	3771041110	25/08/1993	2,40	1,10	1,50	
77	Nguyễn Minh	Nhật	3771041127	25/08/1995	3,50	2,40	2,70	
78	Phạm Nhựt	Lâm	3771041142	19/02/1994	2,20	1,00	1,40	
79	Nguyễn Hoài	Bảo	3771041146	10/12/1995	1,90	1,60	1,70	
80	Nguyễn Quang	Toà	3771041173	15/08/1995	1,90	2,20	2,10	
81	Võ Tấn	Vũ	3771041450	02/10/1995	,00	2,10	1,50	
82	Nguyễn Đình	Thái	3771042039	25/12/1994	7,40	8,10	7,90	
83	Huỳnh Văn Phúc	An	3771050026	11/03/1995	5,00	2,00	2,90	
84	Nguyễn Thái	Linh	3771050568	27/09/1994	5,70	,70	2,20	
85	Trần Chí	Cường	3771050657	10/07/1995	5,60	2,90	3,70	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)